TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH GIA LAI
Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 10/9/2019
V/v:*"Hợp đồng mua bán"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Ruyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Rmah Ét và bà Phạm Thị An.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai ghi biên bản.

Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019/TLST- DSST ngày 18/4/2019; về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019; giữa:

Nguyên đơn: bà Đ, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: tổ dân phố 20, thị trấn PT, huyện PT, Gia Lai(có mặt).

Bị đơn: ông Đ, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: thôn Nam Hà, xã I, huyện PT, tỉnh Gia Lai(vắng mặt).

Người làm chứng: chị N, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: thôn Nam Hà, xã I, huyện PT, tỉnh Gia Lai(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2019, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đ trình bày: **Tôi và** anh Đ ở thôn Nam Hà, xã I, huyện PT, tỉnh Gia Lai **là chỗ quen biết,** anh Đ có mua phân bón thuốc trừ sâu của tôi, hiện nay anh Đ còn nợ tôi 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), khi mua bán thỏa thuận có tiền thì trả luôn, không có tiền thì đến mùa thu hoạch nông sản thì trả, qua nhiều mùa nông sản đã thu hoạch, tôi đòi nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không trả**. Yêu cầu Tòa án buộc** anh Đ phải **trả tôi số tiền** 20.000.000đồng**.**

Đối với bị đơn ông Đ: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Đ theo đúng quy định của pháp luật, nhưng ông Đ không lên làm việc, công nhận còn nợ qua điện thoại, hứa trả dần nhưng không có mặt khi Tòa án triệu tập, nên Tòa án phải đi xác minh và lập các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, lập các thủ tục không tống đạt được, Niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông

báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải...Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tại địa chỉ và nơi ở của ông Đ; Uỷ ban nhân dân xã và tại trụ sở Toà án theo đúng quy định của pháp luật, nhưng ông Đ vẫn không tham gia tố tụng, không hợp tác cùng Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà N và bà N tự khai với nội dung: tôi và ông Đ đã ly hôn, nhưng việc mua bán phân thuốc trừ sâu của cửa hàng bà Đ là đúng, hiện ông Đ còn nợ bà Đ 20.000.000đồng; riêng số tiền 20.000.000đồng ông Đ đã nhận từ mẹ con tôi vào hồi 07giờ 15'ngày 14/ 02/ 2014, tại biên bản họp của gia đình có mặt đầy đủ con cái và một số người làm chứng, ông Đ viết giấy cam kết hứa sẽ trả tiền bà Đ nhưng đến nay vẫn chưa trả, hơn nữa tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ông Đ có nghĩa vụ trả tiền bà Đ; vậy đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai phát biểu quan Đ về tố tụng và nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 4 điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và 262 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 357; 430; 440 và Điều 468 của Bộ luật dân söï.

Căn cứ vào khoản 2 Ðieàu 26 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về aùn phí, leä phí Toaø aùn.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, từ khâu thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận…và hòa giải, các bước tống đạt quy trình tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định, đúng thẩm quyền giải quyết, thời gian giải quyết vụ án đảm bảo, giải quyết theo yêu cầu nội dung khởi kiện; Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ trình tự các bước của phiên tòa dân sự sơ thẩm.

Về nội dung quan hệ Hợp đồng mua bán hàng hóa là đúng, nguyên đơn yêu cầu ông Đ trả 20.000.000đồng là có cơ sở; vì năm 2010 khi ông Đ và bà N chốt sổ thì vẫn còn nợ tiền bà Đ, tại QĐCNTTLH&STTCCĐS thì ông Đ có nghĩa vụ trả tiền bà Đ; đồng thời tại biên bản họp gia đình của ông Đ bà N, thì ông Đ đã nhận 20.000.000đồng từ vợ con và hứa cam kết trả bà Đ, nhưng ông Đ vẫn chưa trả tiền bà Đ.

Về án phí: ông Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000đồng x 5% = 1.000.000đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tống đạt, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến làm việc, không hợp tác cùng Tòa án để ký nhận văn bản hòa giải hoặc bản khai khi Tòa án làm việc, không

viết bản tự khai và cũng không có ý kiến phản hồi gì bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án phải đi xác minh và lập các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, nên phải hoãn phiên tòa; mở phiên toà xét xử lần thứ hai theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: ông Đ có mua phân bón thuốc trừ sâu của bà Đ tính thành tiền còn nợ 20.000.000đồng là có thật, khi mua bán hai bên thỏa thuận có tiền thì trả luôn, không có tiền thì đến mùa thu hoạch nông sản trả, nhưng qua nhiều mùa nông sản đã thu hoạch bà Đ đòi nhiều lần nhưng ông Đ không trả, nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ phải trả số tiền 20.000.000đồng theo quy định.

Xét giao dịch dân sự giữa bà Đ và ông Đ được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, mặc dù chưa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, khi giao dịch các bên do tin tưởng đã mua bán qua nhiều năm, nên chỉ ghi chép theo dõi số lượng hàng mua, thời Đ, giá cả tính thành tiền rồi cùng nhau theo dõi sổ sách của từng bên, đây cũng là cách làm ăn nhỏ lẻ của nhiều người, nhiều vùng miền vẫn duy trì, mặc dù cách làm này không trái đạo đức xã hội, nhưng thể hiện về trình độ hiểu biết về pháp luật của người dân còn hạn chế; quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã lấy lời khai - đối chất - và tự khai của bà N nguyên là vợ ông Đ (ông Đ bà N đã ly hôn), bà N công nhận việc mua bán phân thuốc trừ sâu của cửa hàng bà Đ là đúng, hiện ông Đ còn nợ bà Đ 20.000.000đồng; lý do là ông Đ đã nhận 20.000.000đồng từ mẹ con bà N vào hồi 07giờ 15'ngày 14/02/2014 tại biên bản họp của gia đình có đầy đủ con cái của bà N và ông Đ và một số người ký làm chứng, ông Đ viết giấy cam kết sẽ trả tiền bà Đ nhưng đến nay vẫn chưa trả, hơn nữa tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa bà N và ông Đ, thì ông Đ có nghĩa vụ trả tiền bà Đ (bà Đ tham gia vụ án ly hôn với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan); quá trình giải quyết vụ án bà Đ yêu cầu ông Đ phải trả số tiền mua bán phân bón thuốc trừ sâu chưa thanh toán là hoàn toàn có cơ sở; nên giao dịch trên có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: ông Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000đồng x 5% = 1.000.000đồng.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 170; 195; 203; 205; 220; 227; 233; 235 và Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357; 430; 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sïi.

Căn cứ vào khoản 2 Đieàu 26 của Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về aùn phí, leä phí Toaø aùn.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Buộc: ông Đ phải trả bà Đ số tiền là 20.000.000đ
(*hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án (bên có nghĩa vụ) chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được quy định theo Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: buộc ông Đ phải nộp 1.000.000đ (*một triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Đ số tiền 500.000đ (*năm trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí trước đây, theo biên lai thu số 0006299 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (10/9/2019) các đương sự có quyền kháng cáo bản án; riêng ông Đ vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi cư trú, lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh;
-VKSND.H PT;
-Chi cụcTHADS.H PT;
-Người tham gia tố tụng;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Đức Ruyệt